

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 389 /GPMT-BTNMT

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 3203/SYT-KHTC ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Sở Y tế tỉnh Trà Vinh về việc hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường;

Theo đề nghị của Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Sở Y tế tỉnh Trà Vinh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh (quy mô 700 giường)” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

- 1.1. Tên dự án đầu tư: Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh (quy mô 700 giường).
- 1.2. Địa điểm hoạt động: phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án: Quyết định số 510/QĐ-TTg ngày 17/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh (quy mô 700 giường).
- 1.4. Mã số thuế: 2100190904.
- 1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám bệnh và điều trị ngoại trú, nội trú.
- 1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:
 - Dự án thuộc nhóm I theo quy định tại Mục 1 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.
 - Tổng diện tích của dự án: 166.300 m².
 - Quy mô: Dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
 - Công suất: 700 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Sở Y tế tỉnh Trà Vinh:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Y tế tỉnh Trà Vinh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc phát sinh nước thải, khí thải, tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm.**

(từ ngày ~~29~~ tháng ~~12~~ năm 2022 đến ngày tháng năm 2029).

Điều 4. Giao Tổng cục Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Trà Vinh (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở TN&MT tỉnh Trà Vinh;
- Công Thông tin một cửa quốc gia;
- Công Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Sở Y tế tỉnh Trà Vinh;
- Lưu: VT, TCMT, Đạt 11.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 389 /GPMT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2022 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Các nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt (bao gồm nước đen là nước thải đi qua bể tự hoại như từ bồn cầu, bồn tiểu; nước xám là nước thải không đi qua bể tự hoại như nước tắm, rửa):

- Nguồn số 01: Khối công trình chính.
- Nguồn số 02: Nhà bảo vệ.
- Nguồn số 03: Khối nhà Khoa truyền nhiễm.
- Nguồn số 04: Khối nhà Khoa chống nhiễm khuẩn.
- Nguồn số 05: Khối nhà Khoa tâm thần.
- Nguồn số 06: Khối nhà Khoa giải phẫu bệnh và Nhà quản.
- Nguồn số 07: Khối nhà Khoa y học hạt nhân và xạ trị.
- Nguồn số 08: Khu vực Nhà ăn.

1.2. Các nguồn phát sinh nước thải y tế từ quá trình thí nghiệm, phân tích, rửa thiết bị, dụng cụ, ngâm giặt đồ vải, tiệt trùng dụng cụ y khoa:

- Nguồn số 09: Khoa truyền nhiễm.
- Nguồn số 10: Khoa chống nhiễm khuẩn.
- Nguồn số 11: Khoa giải phẫu bệnh và Nhà quản.
- Nguồn số 12: Các Khoa, phòng thuộc Khối nhà chính.

1.3. Các nguồn khác:

- Nguồn số 13: Hệ thống xử lý nước RO phát sinh nước thải từ quá trình rửa màng lọc.
- Nguồn số 14: Khu giặt, là phát sinh nước thải từ quá trình giặt đồ vải.
- Nguồn số 15: Khoa y học hạt nhân và xạ trị phát sinh nước thải nhiễm xạ.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận dòng nước thải: Rạch Ông Thiệp và chảy ra sông Láng Thè.

- Vị trí xả thải: Tại hồ thoát nước thải (trước cổng C3 của Bệnh viện).

- Tọa độ vị trí xả thải: $X(m) = 1.098.738$; $Y(m) = 590.067$.

(VN-2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $950 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ).

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ/ngày).

2.2. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (Cột B, K = 1,0), cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 – 8,5	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	50		
3	COD	mg/L	100		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100		
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	4,0		
6	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/L	10		
7	NO ₃ ⁻ (Tính theo N)	mg/L	50		
8	PO ₄ ³⁻ (Tính theo P)	mg/L	10		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	20		
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	0,1		
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	1,0		
12	Tổng coliforms	MPN/100mL	5.000		
13	Salmonella	Vi khuẩn/100mL	KPH		
14	Shigella	Vi khuẩn/100mL	KPH		
15	Vibrio Cholerae	Vi khuẩn/100mL	KPH		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải (từ các nguồn số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07 và 08): nước đen (sau khi thu gom, xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại) được nhập chung với nước xám và tự chảy bằng đường ống về hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện để xử lý.

- Nước thải (từ các nguồn số 09, 10, 11 và 12): thu gom, xử lý sơ bộ tại các bể khử trùng và tự chảy qua đường ống về hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện để xử lý.

- Nước thải (từ các nguồn số 13 và 14): thu gom và tự chảy qua đường ống về hệ

thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện để xử lý.

- Nước thải nhiễm xạ (từ nguồn số 15): thu gom, lưu giữ tại Bể phân rã phóng xạ (trong thời gian chờ phân rã) và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại: 19 bể

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước đen → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Tổng dung tích thiết kế: 496 m^3 , bao gồm: Nguồn số 01 sử dụng 01 bể (dung tích 145 m^3), 04 bể (dung tích mỗi bể là 13 m^3), 03 bể (dung tích mỗi bể là 09 m^3), 02 bể (dung tích mỗi bể là 18 m^3), 01 bể (dung tích 28 m^3); Nguồn số 02 sử dụng 01 bể (dung tích 03 m^3); Nguồn số 03 sử dụng 02 bể (dung tích mỗi bể là 13 m^3); Nguồn số 04 sử dụng 01 bể (dung tích 08 m^3); Nguồn số 05 sử dụng 02 bể (dung tích mỗi bể là 08 m^3); Nguồn số 06 sử dụng 01 bể (dung tích 10 m^3); Nguồn số 07 sử dụng 01 bể (dung tích 145 m^3).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Bể khử trùng: 08 bể

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể khử trùng → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Tổng dung tích thiết kế: 88 m^3 , bao gồm: Nguồn số 09 sử dụng 01 bể (dung tích 05 m^3); Nguồn số 10 sử dụng 01 bể (dung tích 05 m^3); Nguồn số 11 sử dụng 01 bể (dung tích 05 m^3); Nguồn số 12 sử dụng 03 bể (dung tích mỗi bể là 21 m^3) và 02 bể (dung tích mỗi bể là 05 m^3).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine, NaOCl và các hóa chất tương đương.

1.2.3. Bể phân rã phóng xạ: 01 bể

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (nguồn số 15) → Ngăn lưu giữ số 01 → Ngăn lưu giữ số 02 → Ngăn lưu giữ số 03 → Định kỳ thu gom, chuyển giao đơn vị có chức năng phù hợp để xử lý.

- Dung tích thiết kế: 360 m^3 .

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.4. Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Hồ thu gom → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng → Bể kỵ khí → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lọc màng MBR → Bể khử trùng → Hồ thoát nước thải → Rạch Ông Thiệp → Sông Láng Thè.

- Công suất: $950 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Hóa chất: Chlorine, NaOCl, NaOH, PAC, Polyme, Javel, Methanol, axit Citric và các hóa chất tương đương.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tổ chức đào tạo, hướng dẫn vận hành, an toàn lao động cho cán bộ, nhân viên vận hành, trang bị các máy bơm dự phòng để đảm bảo hoạt động liên tục của hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Thực hiện các biện pháp điều tiết, sử dụng nước tiết kiệm để giảm thiểu nước thải phát sinh trong thời gian khắc phục sự cố; bố trí van, đường ống hoàn lưu nước thải sau xử lý về bể điều hòa trong thời gian khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng từ thời điểm hiệu lực của Giấy phép này.

2.2. Công trình phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: tại hố thoát nước thải (trước cổng C3 của Bệnh viện).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể: Quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp (tại vị trí nêu tại điểm 2.2 mục B Phụ lục này) trong giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Đối với nước được thải từ các máy điều hòa tại khu vực văn phòng, khoa phòng chuyên môn (là nước ngưng tụ từ hơi nước trong không khí) không phải kiểm soát, được xả để bay hơi tự nhiên.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 5, 6, 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất,... vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của nhà máy.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 389 /GPMT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ đại diện: X = 1.098.511; Y = 589.891.
- Nguồn số 02: Tọa độ đại diện: X = 1.098.508; Y = 589.889.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

- Bố trí cây xanh, tường bao bệnh viện để giảm thiểu tiếng ồn.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh) máy phát điện dự phòng và các máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung để đảm bảo hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 389 /GPMT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải y tế nguy hại, chất thải phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung	12 06 05	3.000
2	Chất thải y tế lây nhiễm	13 01 01	129.600
3	Nước thải có chứa thành phần nguy hại từ quá trình phân rã phóng xạ	13 01 02	5.400
4	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào	13 01 03	1100
5	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng	13 03 02	6
6	Các loại pin thải	16 01 12	6
7	Dầu, mỡ thải	16 01 08	220
8	Giẻ lau dính thành phần nguy hại	18 02 01	210
9	Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, các dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất	18 01 04	6
10	Dung dịch rửa phim X - Quang	19 01 06	5.000
TỔNG KHỐI LƯỢNG			144.638

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên (không bao gồm chất thải rắn thông thường được phép tái sử dụng, sử dụng trực tiếp, ký hiệu là TT-R):

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp mực máy in văn phòng	08 02 08	200
2	Bùn thải từ các bể tự hoại	12 05 06	9.600
3	Vật liệu lọc đã qua sử dụng của hệ thống RO	15 02 03	500
4	Dược phẩm, hóa chất thải bỏ không có thành phần nguy hại	18 01 09	180.000
TỔNG KHỐI LƯỢNG			190.300

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 540 tấn/năm

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn y tế thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy.

- Khu vực lưu giữ: kho chứa chất thải y tế nguy hại có diện tích 54 m² (chia 02 ngăn lưu giữ chất thải lây nhiễm và không lây nhiễm), nền chống thấm, tường bao, mái che và điều hòa nhiệt độ; kho lưu giữ chất thải có tính phóng xạ có diện tích 11m², nền chống thấm, tường bao, mái che nằm độc lập.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy, bao bì mềm.

- Khu vực lưu giữ: Kho chứa có diện tích là 27,26 m², nền chống thấm, tường bao, mái che.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí thùng chứa tại các khu vực phù hợp.

- Khu vực lưu giữ: thu gom, lưu giữ tại kho chứa chất thải rắn thông thường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện quy định phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 389 /GPMT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Không còn hạng mục, công trình sản xuất, công trình bảo vệ môi trường, yêu cầu bảo vệ môi trường tiếp tục thực hiện.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Đối với 02 máy phát điện dự phòng (công suất mỗi máy 2.000 kVA) không phải kiểm soát khí thải, do thiết bị sử dụng nhiên liệu là dầu DO, không thuộc đối tượng yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải. Tuy nhiên, yêu cầu Bệnh viện phải đảm bảo luôn sử dụng nhiên liệu sạch trong mọi trường hợp.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế, Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2018/TT-BKHCN ngày 05/9/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ) và các quy định pháp luật khác có liên quan; chuyển giao chất thải nguy hại, chất thải có tính phóng xạ, chất thải rắn công nghiệp thông thường (trừ loại chất thải ký hiệu TT-R), chất thải sinh hoạt cho các cơ sở có chức năng phù hợp theo quy định để xử lý.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật ./.